

Bản án số: 127/2024/HS-ST

Ngày: 17/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H THÀNH PHỐ Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hữu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tùng

Ông Đặng Công Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Sĩ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2024/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/HSST-QĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

T. Tên gọi khác: B. Sinh ngày: 06.11.1998 tại thành phố Đ; Nơi thường trú: Tổ 26, phường T, quận T, thành phố Đ. Chỗ ở hiện nay: Phòng 101, chung cư số 04 đường L, phường H, quận H, thành phố Đ; Nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ khách sạn; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; con ông T, sinh năm 1964 và bà P sinh năm 1980; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 01.

Tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 18.01.2018 bị Công an phường T, quận T, thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép bằng hình thức bài tiến lên thắng thua bằng tiền, hiện vật”

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: 26 H, phường H, quận H, Tp Đ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị N, sinh năm 1969. Địa chỉ 52 N, phường H, quận H, thành phố Đ.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 24.4.2024, T trên đường đi bộ tìm quán Internet chơi game, khi đi đến trước số nhà 130 N, phường H, quận H, thành phố Đ phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Mercedes biển số 43A – 727.98 đang đỗ, thấy cửa trước của xe đóng hờ nên T nảy sinh ý định trộm cắp. T lục tìm trong hộp để đồ lấy trộm 01 sợi dây chuyền và 02 nhẫn bằng vàng đựng trong 01 hộp hình chữ nhật. T cất tài sản trong người rồi đi bộ đến ngã ba N – T, phường H, quận H thì bị tổ tuần tra công an phường H nghi ngờ mời về trụ sở làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình. Khoảng 10 giờ ngày 25.4.2024 chị L phát hiện bị mất tài sản nên trình báo công an phường H, quận H, thành phố Đ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 sợi dây chuyền làm bằng kim loại màu vàng và 01 mặt dây chuyền làm bằng kim loại màu vàng.

- 01 nhẫn hình tròn có mặt hoa tiết hình đồng xu, làm bằng kim loại màu vàng.

- 01 nhẫn hình tròn làm bằng kim loại màu vàng có mặt nhẫn đính đá màu.

- 01 hộp hình hộp chữ nhật màu vàng kích thước khoảng (05x22) cm trên mặt hộp có logo in dòng chữ “PNJ”

Theo Kết luận giám định số 987 ngày 22.5.2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đ, kết luận:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng gửi giám định có kim loại vàng (Au), đồng (Cu) và bạc (Ag); hàm lượng của từng kim loại như sau: vàng là 61%; đồng là 24,7 %; bạc là 14,3 %; khối lượng mẫu vật là 4,90 gam.

- 01 mặt dây chuyền hình cầu bằng kim loại màu vàng gửi giám định có kim loại vàng (Au); đồng (Cu) và bạc (Ag); hàm lượng của từng kim loại như sau: vàng là 61%; đồng là 24%; bạc là 15%; tổng khối lượng mẫu là 2,64 gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng).

- 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại, màu vàng gửi giám định có kim loại vàng (Au), đồng (Cu), bạc (Ag) và kẽm (Zn); hàm lượng của từng kim loại như sau: vàng là 61%; đồng là 22,8%; bạc là 13,4%; kẽm là 2,8%; tổng khối lượng mẫu là 1,36 gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng).

- 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại, màu vàng gửi giám định có kim loại vàng (Au), đồng (Cu), bạc (Ag) và kẽm (Zn); hàm lượng của từng kim loại như sau: vàng là 61%, đồng là 22,8%; bạc là 13,5%; kẽm là 2,7%; tổng khối lượng mẫu là 1,71 gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng).

Theo Kết luận định giá tài sản số 49 ngày 31.5.2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND quận H, TP. Đ, kết luận:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, gồm các mắc xích nối lại với nhau, có chiều dài 44cm, đã qua sử dụng có trị giá là 7.290.936 đồng.

- 01 mặt dây chuyền hình cầu bằng kim loại màu vàng, đường kính 12mm, trên có đính các hạt chất màu trắng, đã qua sử dụng có trị giá là 3.395.016 đồng.

- 01 chiếc nhẫn tròn, đường kính 18mm bằng kim loại màu vàng và mặt nhẫn có đính các hạt chất màu trắng, đã qua sử dụng có trị giá là 2.560.176 đồng

- 01 chiếc nhẫn tròn, đường kính 18mm, bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có hoạ tiết hình đồng xu và có đính các hạt chất màu trắng, đã qua sử dụng có trị giá là 1.892.304 đồng.

Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 15.138.432 đồng.

Đối với 01 hộp hình hộp chữ nhật màu vàng kích thước (23x5,5x2,5) cm, trên mặt hộp có lôgô in dòng chữ “PNJ”, chị L xác định hộp này không có giá trị, chị L dùng để đựng số tài sản trên.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H đã trả lại cho bị hại toàn bộ vật chứng như trên.

Về dân sự: Chị L đã nhận lại tài sản, không ai yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại, người liên quan vắng mặt, Tòa án đã tiến hành công bố lời khai của những người này có trong hồ sơ vụ án. Lời khai của bị hại, người liên quan được bị cáo xác nhận là đúng.

Tại Cáo trạng số 93/CT- VKS ngày 31.7.2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đ đã truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo T mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội và xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy hồ sơ đã thu thập đầy đủ ý kiến, lời khai của họ nên sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, lời khai của bị hại vắng mặt tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Lợi dụng sơ hở của chủ quản lý tài sản, khoảng 23 giờ ngày 24.4.2024, T đã có hành vi trộm cắp 01 dây chuyền và 02 nhẫn vàng của chị L. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 15.138.432 đồng.

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Không

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tài sản đã trả lại cho chủ sở hữu, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự đối với bị cáo.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Về nhân thân, bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính, tuy nhiên đến thời điểm phạm tội đã hết thời hiệu bị coi là đã bị xử phạt vi phạm hành chính, hơn nữa hành vi phạm tội của bị cáo là nhất thời, chưa gây thiệt hại về tài sản, bị cáo lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ sức giáo dục răn đe đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả tài sản cho bị hại.

[9] Từ những nhận định trên, xét thấy lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H về tội danh và áp dụng các điều luật cũng như đề nghị mức hình phạt là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản” .

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho UBND phường H nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian

thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ- THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA